KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020 - 2021 * TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHỐI Y ĐA KHOA - Y HỌC DỰ PHÒNG - Y HỌC CỔ TRUYỀN - RĂNG HÀM MẶT

HỌC KỲ I (22 tuần)

Tháng				Tháng 9				Tháng 10					Tháng 11				Tháng 12				
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Từ ngày	10	17	24	31/8	7	14	21	28/9	5	12	19	26	2/11	9	16	23	30/11	7	14	21	28/12
Đến ngày	15	22	29	5/9	12	19	26	3/10	10	17	24	31	7	14	21	28	5/12	12	19	26	2/1

HỌC KỲ II (22 tuần)

Tháng	Tháng 1/2021					Tháng 2				Tháng 3				Tháng 4				Tháng 5					Tháng 6			
Tuần	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46
Từ ngày	4	11	18	25	1/2	8	15	22	1/3	8	15	22	29/3	5	12	19	26/4	3	10	17	24	31/5	7	14	21
Đến ngày	9	16	23	30	6	13	20	27	6	13	20	27	3/4	10	17	24	1/5	8	15	22	29	5/6	12	19	26

NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ

Tháng	Tháng 7					T8
Tuần	47	48	49	50	51	52
Từ ngày	28	5	12	19	26	2/8
Đến ngày	3/7	10	17	24	31	7

| | | | | |

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020 - 2021 * TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHỐI ĐIỀU DƯỠNG - XÉT NGHIỆM Y HỌC - DƯỢC HỌC

HỌC KỲ I (22 tuần)

Tháng	Tháng 9							Tháng 10					Tháng 11				Tháng 12				Tháng 1/2021				
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Từ ngày	10	17	24	31/8	7	14	21	28/9	5	12	19	26	2/11	9	16	23	30/11	7	14	21	28/12	4	11	18	25
Đến ngày	15	22	29	5/9	12	19	26	3/10	10	17	24	31	7	14	21	28	5/12	12	19	26	2/1	9	16	23	30
XNYH K12 (N1)											Tin học ứng dụng - Toán XSTK		GDQP (3T)				Triết học - KTCT - GDTC1 - GP -								
XNYH K11 (N2)	TTHCM - Ngoại ngữ 2 - GDTC3 - HUYẾT HỌC TẾ BÀO - Dược lý - SLB - ĐDCB & Cấp cứu ban đầu - Pháp luật & CSYT - Tâm lý ĐĐYH																								
XNYH K10 (N3)	GPB - Kiểm soát NKBV - Vi sinh 2 - KST 2 - Dịch tễ & các bệnh truyền nhiễm - KT GPB vi thể - Huyết học đông máu - YSHPT- BH Nội (LT) -																								
XNYH K9 (N4)	Hóa sinh 4 - TCQL & ĐBCLXN - TH KTXN 1,2,3,4 - Huyết học truyền máu - Huyết học nâng cao - KST3																								
CNĐD K16 (N1)											TIN HỌC ĐC - HÓA ĐC		GDQP (3T)				TÂM LÝ - GDTC1 - GP - Toán XSTK - TRIẾT HỌC - KTCT								
CNĐD K15 (N2)	TT HCM - Vi sinh - SKMT - GDTC3 - Ngoại ngữ 2 - DDCB1 - Kỹ năng GT - GDSK trong THDD - Dược lý - SLB-MD - PL&CSYT																								
CNĐD K14 (N3)	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1, 2 - CS người bệnh cấp cứu & CS tích cực - CSSK người cao tuổi - Dịch tễ học (13T)													CSSK phụ nữ, bà mẹ, gia đình (7T)							NCKH (2T)			CSSKCĐ (4T)	
CNĐD K13 (N4)	Tự chọn 1: Lao (2T) - RHM (2T) - Mắt (2T) Tự chọn 2: TMH (2T) - Da liễu (2T) - Thần kinh (2T)			PHCN (3T)				Tâm thần (3T)					YHCT (3T)				QLĐĐ (3T)				Thực tế TN 1,2 (10 tuần)				
DƯỢC K9 (N1)											Triết học - GDTC1		GDQP (3T)				Vật lý - Hóa đại cương vô cơ - Ngoại ngữ 1 - Tin đại cương và ứng dụng								
DƯỢC K8 (N2)	Hóa hữu cơ 2 - Hóa sinh 1,2 - GDTC 3 - Hóa phân tích 1 - Vi sinh - Ngoại ngữ 3 - Lịch sử Đảng - TT HCM																								
DƯỢC K7 (N3)	Bệnh học - Dược dịch tễ - Dược liệu 1 - Dược lý 1 - Hóa dược 2 - Pháp luật - Tâm lý đạo đức - Dị ứng																								
DƯỢC K6 (N4)	Bào chế 2 - Kiểm nghiệm - Dược lý 3 - Dược học cổ truyền 1 - Dược lâm sàng cơ bản (Thực hành) - Pháp chế - Sử dụng thuốc trong điều trị																								
DƯỢC K5 (N5)	Dược xã hội học và khởi nghiệp - Công nghệ sản xuất dược phẩm - Nghiên cứu phát triển thước - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Nhóm GPs - Thực hành dược khoa 3																								

NGHỈ TẾT

HỌC KỲ II (22 tuần) / NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ

Tháng	Tháng 2				Tháng 3				Tháng 4				Tháng 5					Tháng 6				Tháng 7					T8
Tuần	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
Từ ngày	1/2	8	15	22	1/3	8	15	22	29/3	5	12	19	26/4	3	10	17	24	31/5	7	14	21	28	5	12	19	26	2/8
Đến ngày	6	13	20	27	6	13	20	27	3/4	10	17	24	1/5	8	15	22	29	5/6	12	19	26	3/7	10	17	24	31	7
XNYH K12 (N1)	CNXHKH - MÔ PHÔI - SINH LÝ - SH-DT - XNCB - HÓA SINH 1 - NN1 - GDTC2																										
XNYH K11 (N2)	Hóa sinh 1- SKMT - LS Đảng - Vi sinh 1 - Vi sinh 2 - KST 1 - Ngoại bệnh học (LT) - Dị ứng																										
XNYH K10 (N3)	Vi sinh 3, 4 - GPB LS - TCYT - DDVSATTP - Huyết học truyền máu - Hóa sinh 3 - TH KTXN 1,2,3,4																										
XNYH K9 (N4)	Thực tế TN (10 tuần)												Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp (5T)														
CNĐD K16 (N1)	CNXHKH - Mô - Sinh lý - SH-DT - Hóa sinh - NN1 - GDTC2																										
CNĐD K15 (N2)	Dị ứng - LS Đảng - KST - Kiểm soát NK trong THĐD - ĐDCB2 - Dinh dưỡng TC - Sức khỏe-nâng cao SK&HVCN																										
CNĐD K14 (N3)	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1, 2 (10T)												CSSK trẻ em (7 tuần)														
CNĐD K13 (N4)	Thực tế TN 1,2 (10 tuần)												Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp (5T)														
DƯỢC K9 (N1)	Toán TK - Giải phẫu - Sinh học di truyền - Hóa lý dược - Hóa hữu cơ 1 - ngoại ngữ 2 - Chủ nghĩa xã hội - Kinh tế chính trị - GDTC 2																										
DƯỢC K8 (N2)	Ký sinh trùng - Dược động học - Hóa dược 1 - Hóa phân tích 2 - Sinh lý bệnh miễn dịch - Thực vật dược - Thực hành dược Khoa 1																										
DƯỢC K7 (N3)	Bào chế 1 - Dược lý 2 - Dược lâm sàng cơ bản (LT) - Dược liệu 2 - Quản lý kinh tế dược - Dược liệu biển																										
DƯỢC K6 (N4)	Dạng bào chế đặc biệt - Độc chất học - Dược học cổ truyền 2 - Marketing và TTDP - Mỹ phẩm và TPCN - Chăm sóc dược - Thực hành dược khoa 2																										
DƯỢC K5 (N5)	Chuyên đề tốt nghiệp																										

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020 - 2021 * TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHỐI LIÊN THÔNG CHÍNH QUY Y ĐA KHOA - DƯỢC HỌC VÀ KHỐI LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC ĐIỀU DƯỠNG - XÉT NGHIỆM Y HỌC

| | HỌC KỲ I (22 tuần) | | |